



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

NĂM 2013

Giấy phép HKDCK số: 105/UBCK-GP do: UBCKNN cấp ngày: 25/03/2009
Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-8) 38210678 Fax: (84-8) 38218138
Website: www.hobase.vn

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2014

Phụ lục số II (Ban hành kèm theo 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
I. Thông tin chung	
1. Thông tin khái quát	1
2. Quá trình hình thành và phát triển	1-2
3. Ngành nghề	2-3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5. Định hướng phát triển	4-6
6. Các rủi ro	6-7
II. Tình hình hoạt động trong năm	
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7-8
2. Tổ chức và nhân sự	
Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành	8-11
Những thay đổi trong điều hành	12
Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động	12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	12
4. Tình hình tài chính	12-13
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc	
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	
1.1 Môi trường kinh doanh năm 2013	14-15
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch	15-16
1.3 Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận	16-17
1.4 Những tiến bộ công ty đã đạt được	17
2. Tình hình tài chính	17-19
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	19
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	19-20
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	20-21
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	21-22
V. Quản trị công ty	
1. Hội đồng quản trị	22-24
2. Ban kiểm soát	24-25
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám	

<i>đốc và Ban kiểm soát</i>	25-26
VI. Báo cáo tài chính	
<i>1. Ý kiến kiểm toán</i>	
<i>a. Kiểm toán độc lập</i>	26-27
<i>b. Kiểm toán nội bộ</i>	27
<i>2. Báo cáo tài chính được kiểm toán</i>	27

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG NĂM 2013

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng
- Tên giao dịch viết tắt: HBSC
- Giấy phép HKDCK số: 105/UBCK-GP do: UBCKNN cấp ngày 25/03/2009.
- Giấy phép điều chỉnh số: 26/GPĐC-UBCK do: UBCKNN cấp ngày 11/06/2013.
- Giấy phép điều chỉnh số: 40/GPĐC-UBCK do: UBCKNN cấp ngày 05/09/2013.
- Vốn điều lệ: 50.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái

Bình, Quận 1, Tp. HCM

- Số điện thoại: (84-8) 38210678
- Số fax: (84-8) 38218138
- Website: www.hobase.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- *Những sự kiện quan trọng:*

- Ngày 25 tháng 03 năm 2009: Nhận giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với 02 nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tư vấn Tài chính và Đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.
- Ngày 09 tháng 10 năm 2009: Công ty trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK.

- Ngày 29 tháng 12 năm 2009: Là thời điểm đánh dấu cột mốc quan trọng của Công ty Chứng khoán Hồng Bàng chính thức trở thành thành viên thứ 100 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM theo Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM và là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty.
- Ngày 05 tháng 01 năm 2010: Công ty chính thức trở thành thành viên thứ 99 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 04/QĐ-SGDHN.
- Ngày 11 tháng 06 năm 2013: Công ty di dời trụ sở chính đến: Lầu 1, 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM theo giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
- Ngày 05 tháng 09 năm 2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) theo giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.

- *Tình hình hoạt động:*

- Được định hướng chuyên nghiệp ngay từ khi bắt đầu thành lập, HBSC có nhiều lợi thế trong việc chọn lọc và áp dụng những thành tựu công nghệ tiên tiến hiện có trên thị trường. HBSC đã triển khai và cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tiên tiến như: Pro-text, Pro-call, Pro-Trade, Pre-Open, Pro-Remit, Pro- Balance.....
- Với thế mạnh là các giải pháp dịch vụ toàn diện, linh hoạt và phù hợp với yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng, cùng đội ngũ nhân sự trẻ và chuyên nghiệp, HBSC đang nỗ lực hết mình để trở thành một đối tác trung thực, chuyên nghiệp và hiệu quả trong lĩnh vực tài chính.
- HBSC tin rằng lợi ích, sự tồn tại và phát triển của công ty phụ thuộc vào những giá trị lợi ích mà công ty mang lại cho khách hàng. Bởi vậy, HBSC cam kết với mục tiêu không chỉ cung cấp các dịch vụ tốt nhất, mà phải là những dịch vụ dựa trên sự thấu hiểu nhu cầu và mong muốn của khách hàng và nhà đầu tư nhằm tạo giá trị lợi nhuận cao nhất.

3. **Ngành nghề:**

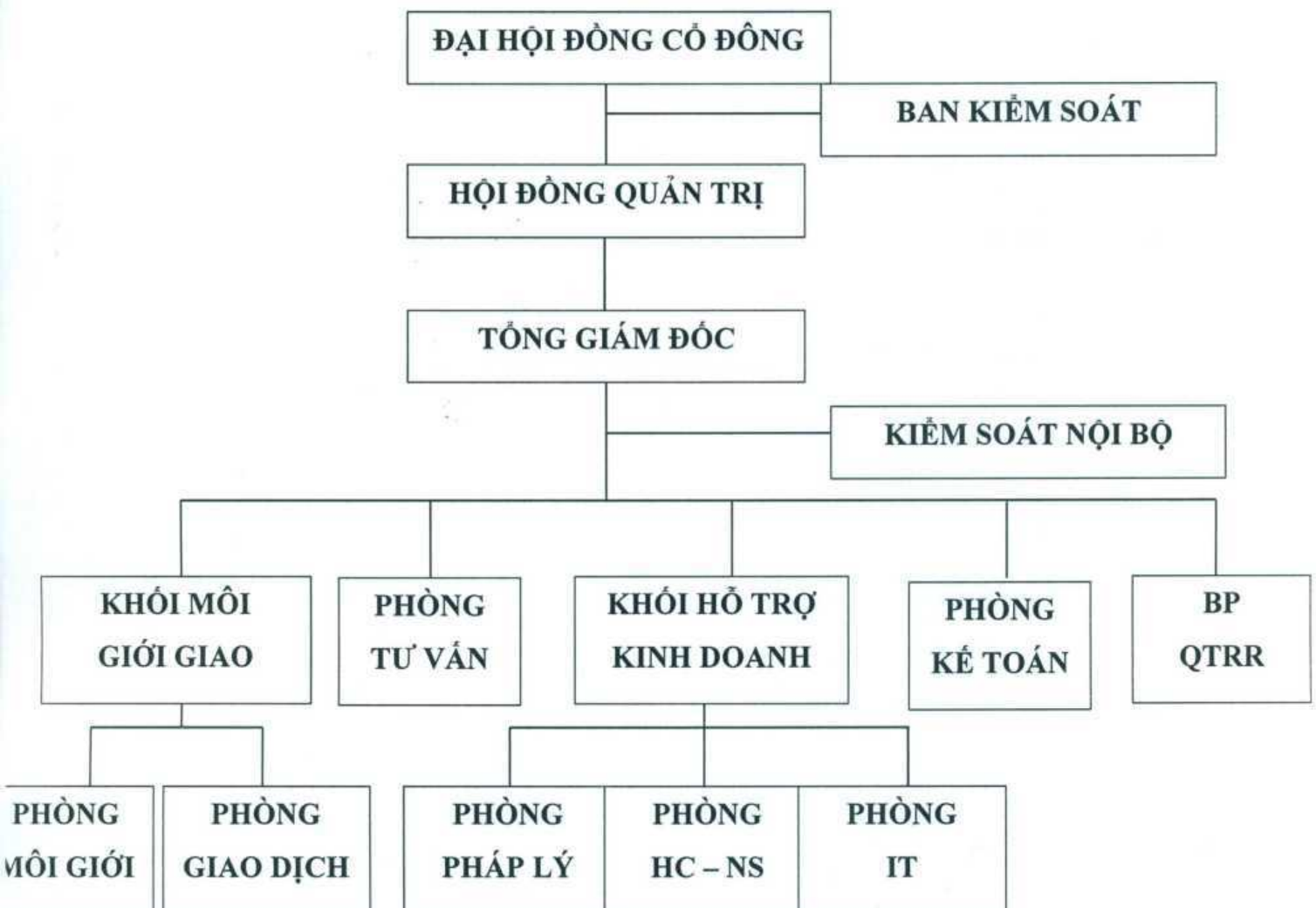
12/11/2013

Công ty cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (HBSC) kinh doanh chứng khoán với các loại hình nghiệp vụ sau:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Cơ cấu tổ chức của công ty:



– Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng phát triển trở thành công ty môi giới chứng khoán với trọng tâm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng, mang lại lợi ích cao nhất và bền vững cho khách hàng, công ty và cho đối tác.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trong bối cảnh chính sách vĩ mô và nền kinh tế còn nhiều biến động, việc đưa ra một dự báo, kế hoạch chính xác trong trung và ngắn hạn là không khả thi. Tuy nhiên, HĐQT HBSC vẫn đánh giá: về dài hạn, nền kinh tế và thị trường chứng khoán của Việt Nam vẫn đang rất tiềm năng và cơ hội luôn có sẵn cho những người biết suy nghĩ tích cực và luôn chuẩn bị cho mọi khả năng nắm bắt cơ hội trong tương lai.

Trên quan điểm tích cực và quyết tâm nắm bắt cơ hội trong tương lai, HĐQT công ty đã thảo luận và quyết định mặc dù cần tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, tiết kiệm tối đa nhưng vẫn tiếp tục đầu tư trọng điểm phát triển công ty qua các trọng tâm sau:

• Chiến lược về tổ chức:

Xây dựng hệ thống các bộ phận tư vấn doanh nghiệp, tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán vững mạnh, quy mô và hoạt động hiệu quả. Bên cạnh việc củng cố tổ chức, Công ty sẽ mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch nhằm cung cấp thêm nhiều địa điểm giao dịch tiện lợi cho khách hàng.

• Chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ:

Cung cấp chuỗi giá trị tối ưu, đa dạng hóa và sáng tạo các sản phẩm và dịch vụ chuyên nghiệp, đáp ứng hoàn hảo nhu cầu riêng biệt của từng khách hàng. Từ đó tạo niềm tin và thương hiệu công ty. Với phương châm

hoạt động như vậy nên công ty HBSC hướng đến cung cấp cho khách hàng nhóm sản phẩm, dịch vụ tài chính có chất lượng cao, mang tính đột phá với chi phí cạnh tranh. Tạo ra những dịch vụ mới đi kèm nhằm mang lại nhà đầu tư trong và ngoài nước sự thuận tiện, dễ dàng trong hoạt động giao dịch.

- *Chiến lược khách hàng:*

Đề cao tính minh bạch và cam kết vào trách nhiệm đối với khách hàng và đối tác. Xây dựng uy tín thương hiệu với khách hàng và đối tác làm nền tảng phát triển bền vững. HBSC luôn chủ trương duy trì và phục vụ tốt cho khách hàng hiện tại, mở rộng mạng lưới khách hàng là các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước. Giúp cho khách hàng thấy được tiềm năng cũng như cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đảm bảo khi chọn HBSC là tổ chức trung gian, khách hàng sẽ luôn yên tâm, tin tưởng và hài lòng.

- *Chiến lược nhân sự:*

HBSC xác định việc phát triển nguồn nhân lực là nhân tố cơ bản, quyết định đến sự thành công trong tương lai của Công ty. Nội dung cơ bản của chiến lược nhân sự là tổng thể quá trình tìm kiếm, lựa chọn và tuyển dụng nhằm thu hút được những cá nhân có trình độ và phẩm chất đạo đức tốt, trọng dụng và mạnh dạn phân quyền cho các cá nhân được tuyển dụng, duy trì chính sách đãi ngộ thích hợp nhằm khuyến khích, giữ chân các cán bộ có năng lực. Mục tiêu xây dựng bộ máy nhân sự tận tâm, nhiệt huyết với trình độ chuyên môn cao được đào tạo bài bản và mang tính chuyên nghiệp luôn là yếu tố chính trong chiến lược nhân sự của Công ty, HBSC luôn nêu cao tinh thần hợp tác của các thành viên trong Công ty. Đây là một trong những chiến lược nhân sự căn bản để giữ HBSC luôn luôn là một khối đoàn kết, thống nhất và hoạt động hiệu quả.

- *Chiến lược công nghệ:*

11:11 11/11/2013

HBSC xác định công nghệ là mũi nhọn đột phá nhằm tạo giá trị cho nhà đầu tư và cung cấp các công cụ cho hoạt động kinh doanh của khách hàng, từ đó đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ đạt tiêu chuẩn yêu cầu của UBCKNN và các Sở Giao dịch Chứng khoán. Hệ thống core giao dịch được đầu tư nâng cấp, đáp ứng các dịch vụ mới, các thay đổi mới mà cơ quan chức năng đưa vào ứng dụng cho thị trường trong giai đoạn hiện nay và sắp tới. Đồng thời HBSC luôn quan tâm đến mục đích đưa thêm các công cụ giao dịch mới vào hoạt động nhằm đảm bảo sự ổn định, minh bạch hệ thống và tạo ra giá trị gia tăng cho việc đầu tư của khách hàng trong và ngoài nước.

6. Các rủi ro:

Trước diễn biến hết sức bất lợi của các đợt biến động mạnh về tài chính- kinh tế đặc biệt với vàng, lạm phát, lãi suất ngân hàng, thị trường chứng khoán dao động giảm mạnh, công ty đã triển khai triệt để phương án tiết giảm chi tiêu, phòng ngừa rủi ro trong đó:

- Tối giản nhân sự về mức cho phép nhưng vẫn bảo đảm hoạt động và quản trị công ty.
- Thực hiện quản trị rủi ro triệt để, bảo đảm hoạt động, an toàn chỉ tiêu tài chính cho doanh nghiệp và khách hàng. Hoàn toàn không để xảy ra bất kỳ sơ suất, trục trặc nào cho hoạt động giao dịch của khách hàng và công ty
- Về rủi ro thanh toán: Công ty chủ yếu duy trì tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt nam. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.
- Rủi ro hoạt động:

Công ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong giai đoạn từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013 theo quyết định số 2483/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước ngày 06/05/2013 do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về

“Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính”. Nếu hết thời gian trên Công ty không khắc phục được các vi phạm sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Tuy nhiên, ngày 05/09/2013, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) theo giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp. Các cổ đông của Công ty cam kết rằng sẽ tiếp tục hỗ trợ khi cần thiết nhằm đảm bảo giúp Công ty duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Một số chỉ tiêu tài chính:

KẾT QUẢ KINH DOANH	ĐVT	2013	2012
Doanh thu thuần	VNĐ	2.644.578.794	3.018.379.052
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	VNĐ	(3.301.349.556)	(4.331.625.888)
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	VNĐ	(3.783.045.378)	(4.332.764.205)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	VNĐ	(3.783.045.378)	(4.332.764.205)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	ĐVT	2013	2012
Tổng Tài sản	VNĐ	29.825.129.236	19.437.711.739
Tài sản ngắn hạn	VNĐ	24.301.723.234	12.099.631.839
Tài sản dài hạn	VNĐ	5.523.406.002	7.338.079.900
Vốn điều lệ	VNĐ	50.000.000.000	35.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	27.424.549.301	16.207.594.679
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU TÀI SẢN	ĐVT	2013	2012

Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	18,52%	38%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	81,48%	62%
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN	ĐVT	2013	2012
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	8,05 %	16,6%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	91,95 %	83,4 %

– *Giá trị sổ sách:*

CHỈ TIÊU	ĐVT	Giá trị tại ngày 31/12/2013	Giá trị tại ngày 31/12/2012
Tổng giá trị theo sổ sách	VNĐ	27.424.549.301	16.207.594.679
Vốn điều lệ hiện tại	VNĐ	50.000.000.000	35.000.000.000
Mệnh giá một cổ phần	VNĐ	10.000	10.000
Số cổ phần hiện hành (cổ phần)	VNĐ	5.000.000	3.500.000
Thư giá/cổ phần (đồng/cổ phần)	VNĐ	5.485	4.631

2. Tổ chức và nhân sự:

– *Danh sách Ban điều hành:*

2.1. Lê Thị Anh Đào – Tổng Giám đốc

- Sinh ngày : 11/05/1981 Tại: An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh
- Nguyên quán : Trảng Bàng – Tây Ninh
- CMND số : 29068 311 Cấp ngày 28/06/2006 tại CA. Tây Ninh
- Địa chỉ liên hệ : A312 CC Hoàng Anh Gia Lai, 357 Lê Văn Lương, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

10/10/2014

- Quá trình làm việc:
 - Từ 2004 – 05/2006 giữ chức vụ Trưởng phòng kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bất động sản P.P.C
 - Từ 06/2006 – 07/2007 giữ chức vụ Chuyên viên Giao dịch tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt
 - Từ 08/2007 – 05/2011 giữ chức vụ Kiểm soát viên Giao dịch, Giám đốc quản lý Cổ đông, Chuyên viên Đầu tư, Phó Giám đốc Giao dịch tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt
 - Từ 08/2011 đến nay giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 4,9%

2.2. Quách Văn Long – Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối HTKD

- Sinh ngày : 15/10/1956 Tại: Cà Mau
- Nguyên quán : Cà Mau
- CMND số : 021607626 Cấp ngày 17/03/2004 tại CA. TP.HCM
- Địa chỉ liên hệ : 115, Trần Minh Quyền, Quận 10, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật viên máy tính
- Quá trình làm việc:
 - Từ 03/1976 – 04/1996 Phụ trách phòng máy tính tại Lực lượng TNXP
 - Từ 06/1996 – 09/1998 Đi Canada đoàn tụ gia đình
 - Từ 11/1998 – 04/2003 giữ chức vụ Tổ trưởng tổ hỗ trợ khách hàng Trung Tâm Internet Sài Gòn tại Công ty Cổ phần Viễn thông Sài Gòn (SPT)
 - Từ 06/2003 – 06/2006 giữ chức vụ nhân viên IT và Phó phòng Hỗ trợ kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán TP HCM – HSC

- Từ 06/2006 – 01/2007 giữ chức vụ Phó phòng Hỗ trợ kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên Ngân hàng Sài Gòn Thương tín
- Từ 01/2007 – 08/2007 giữ chức vụ Trưởng phòng IT tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
- Từ 08/2007 – 02/2008 giữ chức vụ Trưởng phòng Hỗ trợ kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc – CN Tp.HCM
- Từ 03/2008 – 11/2011 giữ chức vụ Trưởng phòng IT tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông
- Từ 11/2011 – 02/2011 giữ chức vụ Giám đốc khối Hỗ trợ kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng
- Từ 03/2011 – nay giữ chức vụ Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối Hỗ trợ kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 4,5%

2.3. Mai Quốc Cường – Quyền Kế toán trưởng

- Sinh ngày : 12/08/1978 Tại: Phan Rang – Bình Thuận
- Nguyên quán : Đức Thắng – Phan Thiết – Bình Thuận
- CMND số : 260875171 Cấp ngày 10/7/2008 tại CA. Bình Thuận
- Địa chỉ liên hệ : 327/9B Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình làm việc:
 - Từ 04/2007 – 03/2008 giữ chức vụ Phó phòng Tài chính kế toán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán TP HCM (HSC)
 - Từ 04/2008 – 11/2008 giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính Kế toán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Cửu Long

- Từ 02/2009 – 09/2010 giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Định Quán phụ trách về kiểm soát tài chính tại Công ty Cổ phần Cổ kim Mỹ Nghệ
- Từ 01/2011 – 07/2012 giữ chức vụ Trưởng phòng kiểm soát nội bộ và Phó phòng kế toán tại Công ty Cổ phần Bông Sen
- Từ 08/2012 đến nay giữ chức vụ Q. Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 4,9%

2.4. Diệp Dậu Hùng – Giám đốc khối Môi giới Giao dịch

- Sinh ngày : 29/6/1980 Tại: Tp.Hồ Chí Minh
- Nguyên quán : Tp. Hồ Chí Minh
- CMND số : 023330036 Cấp ngày 10/04/2012 tại CA. TP.HCM
- Địa chỉ liên hệ : 205B/4 Âu Cơ, phường 5, quận 11, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình làm việc:
 - Từ 07/2006 – 10/2008 giữ chức vụ Giám đốc Môi giới tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt
 - Từ 11/2008 – 08/2009 giữ chức vụ Giám đốc Môi giới tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt
 - Từ 07/2010 – 02/2011 giữ chức vụ Trưởng phòng Môi giới tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam
 - Từ 02/2011 – 09/2011 giữ chức vụ Trưởng phòng Môi giới tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
 - Từ 10/2011 – nay giữ chức vụ Giám đốc Khối Môi giới và Giao dịch tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 4,97%

– *Những thay đổi trong ban điều hành: không có*

– *Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:*

- Tổng số Cán bộ Nhân viên (CBNV) đến thời điểm hiện nay là 17 CBNV, trong đó Ban lãnh đạo trực tiếp làm việc tại Công ty 01 người (Tổng Giám đốc), 02 cán bộ quản lý cấp cao (bao gồm cả Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Hỗ trợ Kinh doanh). Công ty đã ổn định được cơ cấu tổ chức, nhân sự, vận hành phù hợp với điều lệ và quy định của Pháp luật.
- Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành, chế độ đãi ngộ và phúc lợi tốt.

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:** không có

4. **Tình hình tài chính:**

a) *Tình hình tài chính:*

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	29.825.129.236	19.437.711.739	53,44
Doanh thu thuần	2.644.578.794	3.018.379.052	-0,12
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.301.349.556)	(4.331.625.888)	23,78
Lợi nhuận khác	(481.695.822)	(1.138.317)	-422,16
Lợi nhuận trước thuế	(3.783.045.378)	(4.332.764.205)	12,69
Lợi nhuận sau thuế	(3.783.045.378)	(4.332.764.205)	12,69
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	10,12	3,75	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	10,12	3,75	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,08	0,17	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,09	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,08	0,16	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(1,43)	(1,44)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,14)	(0,12)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,13)	(0,22)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(1,25)	(1,44)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 1.500.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG		TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Cổ đông trong nước	Cổ đông tổ chức	0
		Cổ đông cá nhân	100 %
2	Cổ đông nước ngoài	Cổ đông tổ chức	0
		Cổ đông cá nhân	0
3	Cổ đông Nhà nước		0
4	Cổ đông khác		0

- c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có*
- d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có*
- e) *Các chứng khoán khác: Không có*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:****1.1 Môi trường kinh doanh năm 2013:**

Môi trường kinh doanh năm 2013 đã có tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với ngành chứng khoán và trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Năm 2013 kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tiếp tục sa lầy mà lối thoát thì chưa thực sự rõ ràng, kinh tế Mỹ, Nhật Bản đều không

mấy khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil ... đều không còn giữ được phong độ tăng trưởng như những năm trước.

Việt Nam trong năm 2013, tiếp tục đối mặt với rất nhiều thách thức như tăng trưởng kinh tế chậm lại, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng tăng cao, số lượng các doanh nghiệp giải thể và dừng hoạt động tăng đột biến, sức mua hạn chế, nợ công nhiều hơn, áp lực cạnh tranh quốc tế v.v... Trong khi đó các chính sách ban hành chưa giúp cải thiện hiệu quả nền kinh tế, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mọi thành phần, nhiều vụ việc lớn như khởi tố Thành viên HĐQT Ngân hàng ACB, thua lỗ các tổng công ty như Vinalines, Vinashin... đời sống người dân bị ảnh hưởng đáng kể.

Tuy vậy kết thúc năm 2013 vẫn có những điểm sáng nổi bật như: Sự ra đời của VAMC giải quyết được phần nào áp lực nợ xấu trong hệ thống NH nhờ kéo dài thời gian nợ. Đồng thời lãi suất đã được điều hành theo hướng giảm dần – mặt bằng lãi suất VND đã giảm khoảng 2-5%, tuy chưa thể thúc đẩy cho vay tới khu vực tư nhân hay SMEs nhưng cơ bản đã góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Trên hết, năm 2013 là năm khá thành công của NHNN trong chống tình trạng đô la hóa. Giá vàng trong nước vẫn còn chênh lệch khá lớn với giá vàng thế giới quy đổi, nhưng thị trường vàng đã ổn định, “tâm lý vàng” của người dân cũng hạ nhiệt. Bên cạnh đó việc điều chỉnh tỷ giá vào thời điểm khá thích hợp đã giúp cho các doanh nghiệp giảm áp lực rủi ro tỷ giá và quan hệ huy động - cho vay ngoại tệ được chuyển hóa dần sang quan hệ mua – bán ngoại tệ. Thêm vào đó, việc điều hành tỷ giá phù hợp đã giúp thu hút dòng vốn FDI trở lại, giải ngân vốn FDI tăng mạnh, qua đó giúp tăng dự trữ ngoại hối, nâng cao tiềm lực tài chính quốc gia.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Với bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trên đã tác động làm kết quả kinh doanh công ty không đạt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông đã thông qua, trong đó:

- Doanh thu môi giới – giao dịch đạt 179.669.578 đồng, giảm mạnh so với năm 2012 là 941.919.212 đồng.

- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh vì vậy cũng giảm từ 3.018.379.052 đồng năm 2012 xuống còn 2.644.578.794 đồng năm 2013.
- Hoạt động tư vấn đạt 10.000.000 đồng so với 810.000.000 đồng năm 2012.
- Tuy nhiên, kết quả cuối năm công ty ghi nhận lỗ (3.783.045.378) đồng và vẫn còn lỗ lũy kế (22.575.450.699) đồng.

Bối cảnh bất ổn của tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần chứng khoán Hồng Bàng, dẫn đến kết quả năm 2013 đã không đạt được kế hoạch lợi nhuận đề ra.

Tuy nhiên đến cuối tháng 12/2013, công ty vẫn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính :

- Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng/ Nợ điều chỉnh :	241,33%	(trên 6%)
- Giá trị Tài sản cố định/ Vốn điều lệ :	10,07%	(không vượt quá 50%)
- Tỷ lệ Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu :	0,08 lần	(không vượt quá 6 lần)
- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	10,12 lần	(trên 1 lần)

1.3 Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận:

VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2013 ở mức 504,63 điểm (tăng 21,97%), HNX-Index chốt năm 2013 ở mức 67,84 điểm (tăng 18,83%). Sự gia tăng của các chỉ số đã đưa Việt Nam trở thành 1 trong 10 nước có mức độ phục hồi mạnh nhất thế giới.

TTCK đối mặt với rất nhiều thông tin không tốt về hệ thống ngân hàng: nợ xấu tăng cao, tình hình yếu kém của một số ngân hàng, trong khi đó thị trường bất động sản khó khăn.

Trong bối cảnh như trên, hiện tượng cạnh tranh khốc liệt của các công ty chứng khoán có thể nhìn thấy. Các hình thức cạnh tranh về phí và các dịch vụ margin... Bên cạnh đó, việc kiểm soát rủi ro cũng là một câu hỏi lớn khi trong lĩnh vực này, các quy định pháp lý

chưa theo kịp thực tiễn và để lại khoảng trống pháp lý khi nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ và chưa đầy đủ. Quá trình thanh lọc tổ chức kinh doanh chứng khoán ngày càng khốc liệt. UBCK đã phân loại các công ty chứng khoán thành 4 nhóm, trong đó 79 CTCK hoạt động lành mạnh, 8 CTCK hoạt động bình thường, 5 CTCK bị kiểm soát và 9 CTCK bị kiểm soát đặc biệt. Hiện có 15 CTCK không còn hoạt động, 4 CTCK thông qua việc giải thể là Sao Việt, Chợ Lớn, Âu Việt và Sen Vàng, 2 công ty GBS, SME bị UBCK yêu cầu tạm ngừng hoạt động, 3 công ty Delta, Hà Nội, Trường Sơn bị chấm dứt hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên có điểm sáng: MBS hợp nhất VITS – đây là trường hợp đầu tiên trong lịch sử 2 CTCK hợp nhất thành công, SBS đã nâng tỷ lệ an toàn vốn lên trên 180%.

Số công ty chứng khoán lỗ trong năm 2013 là 63% (58/94 công ty chứng khoán có lỗ lũy kế với số lỗ là (-5.267) tỷ đồng, giảm so với con số hơn 70% công ty lỗ năm 2012.

Công ty Hồng Bàng đã thực hiện nhiều phương án để củng cố hoạt động song song với việc cắt giảm chi phí đến mức tối đa. Đồng thời Công ty được Đại hội cổ đông duyệt phương án tăng vốn điều lệ lên 70.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 05/09/2013, Công ty tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) theo giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp. Do đó, Công ty cũng không có đủ ngân sách và thời gian để thực hiện được các kế hoạch đã đề ra dẫn tới kế hoạch kinh doanh năm 2013 không đạt được như kỳ vọng.

1.4 Những tiến bộ công ty đã đạt được .

- Trong năm việc kiểm soát rủi ro đã được thiết lập và triển khai chặt chẽ, không xảy ra bất kỳ vấn đề nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng hay gián đoạn đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Công tác quan hệ cộng đồng và công bố thông tin vẫn được duy trì thường xuyên, đúng hạn lên UBCKNN, HSX, HNX, website v.v...

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Biến động trong năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
Tài sản ngắn hạn			
Tiền và tương đương tiền	10,175	4,904	15,079
Đầu tư ngắn hạn		5,000	5,000
Phải thu ngắn hạn	851	7,472	8,323
Tài sản ngắn hạn khác	1,074	(176)	898
Tài sản dài hạn			
Tài sản cố định	6,953	(1,916)	5037
Tài sản dài hạn khác	385	101	486
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	19,438	10,385	29,823

Tài sản ngắn hạn của công ty tăng lên chủ yếu là các khoản tiền góp vốn tăng trong năm chuyển sang hình thức tiền gửi có kỳ hạn, trong đó khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng là 12,300 triệu đồng và khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi kỳ hạn 06 tháng là 5,000 triệu đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn trong năm tăng là do phát sinh các khoản phải thu của các khách hàng mà công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính. Tài sản ngắn hạn khác giảm chủ yếu do thực hiện hoàn tạm ứng của cán bộ công nhân viên và tăng khoản điều chỉnh do các tài sản cố định được chuyển sang công cụ dụng cụ do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản. Nhìn chung, công ty không phát sinh các khoản phải thu xấu, quá hạn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Tài sản dài hạn của Công ty giảm là do thực hiện theo quy định của Bộ tài chính về ghi nhận tài sản và tính khấu hao (Điều chỉnh giảm khoản mục các tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở xuống sang khoản mục phân bổ ngắn hạn).

b) Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Biến động trong năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
Nợ ngắn hạn	3,230	(830)	2,400
Nợ dài hạn	-	-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	3,230	(830)	2,400

Trong năm công ty không phát sinh các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, khoản mục nợ ngắn hạn giảm chủ yếu do biến động các khoản phải trả ngắn hạn từ giao dịch của nhà đầu tư.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ, nhằm giảm thiểu rủi ro và tiết kiệm thời gian và nhân lực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện phương án tăng vốn điều lệ công ty lên 80.000.000.000 đồng để tái cấu trúc công ty cũng như tăng cường xây dựng hoạt động môi giới giao dịch, nhất là đảm bảo chỉ số an toàn tài chính theo Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012.
- Hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, chính sách lương thưởng, hoa hồng cho khối Môi giới-giao dịch, các dịch vụ chứng khoán nhằm phát huy tối đa năng lực và thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- Nghiên cứu, nâng cấp hạ tầng, chất lượng giao dịch: tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch, website, các dịch vụ trực tuyến và giao dịch từ xa giúp khách hàng tiện lợi trong giao dịch mọi lúc mọi nơi nhưng an toàn, nhanh chóng, phù hợp với đòi hỏi ngày càng nâng cao về chất lượng dịch vụ và an toàn cho khách hàng.
- Tiếp tục cải tiến các cơ chế thu nhập, thu hút và khuyến khích nhân sự giỏi làm việc hiệu quả và có đạo đức nghề nghiệp với khách hàng công ty.
- Tiếp tục cải tiến chất lượng các sản phẩm tư vấn, phân tích thị trường, phân tích doanh nghiệp nhằm thông tin kịp thời và hiệu quả cho khách hàng, doanh nghiệp v.v...

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro để bảo đảm hoạt động kinh doanh công ty hiệu quả nhưng vẫn an toàn và có thể phát huy hoạt động mạnh mẽ khi thị trường phục hồi.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

Môi trường kinh doanh năm 2013 đã có tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với lĩnh vực tài chính-chứng khoán-ngân hàng trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế lan tỏa và sâu rộng trên toàn cầu.

Trong năm 2013, HĐQT đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp và ban hành nghị quyết liên quan đến việc tái cơ cấu tổ chức công ty, các vấn đề liên quan đến tài chính- đầu tư, chính sách nhân sự v.v... nhằm đảm bảo hoạt động công ty hiệu quả và tuân thủ các quyết định của Đại hội cổ đông và điều lệ đã đưa ra.

CHỈ TIÊU	ĐVT	2013	2012
Tổng Tài sản	VNĐ	29.825.129.236	19.437.711.739
Tổng nợ phải trả	VNĐ	2.384.579.599	3.230.117.060
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	27.424.549.301	16.207.594.679
Doanh thu thuần	VNĐ	2.644.578.794	3.018.379.052
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	VNĐ	(3.301.349.556)	(4.331.625.888)
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	VNĐ	(3.783.045.378)	(4.332.764.205)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	VNĐ	(3.783.045.378)	(4.332.764.205)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Trong bối cảnh thị trường kinh doanh bất lợi, công ty đã không đạt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông đã thông qua. Kết quả cuối năm công ty lỗ (3.783.045.378) đồng so với (4.332.764.205) đồng của 2012 và vẫn còn lỗ lũy kế (22.575.450.699) đồng.

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện
Doanh thu	3.250.000.000	2.644.578.794
Lợi nhuận	(2.750.000.000)	(3.783.045.378)

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc đã cố gắng trong việc duy trì hoạt động kinh doanh mặc dù tình hình chung gặp rất nhiều khó khăn. Đặc biệt ban giám đốc luôn tuân thủ đúng Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị đánh giá cao việc quản lý và sử dụng tài sản, vốn một cách hiệu quả và an toàn

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Có thể nói năm 2014 là năm rất khó khăn của nhiều doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp ngành chứng khoán. Trong bối cảnh thị trường ngày càng khắc nghiệt và kinh tế vĩ mô nhiều biến động khó lường, Hội Đồng Quản Trị HBSC quyết định sẽ tập trung vào các định hướng sau:

- Nâng cao công tác giám sát quản trị, kiểm soát rủi ro chặt chẽ thông qua các cuộc họp thường kỳ và phát sinh trong mọi trường hợp yêu cầu.
- Thiết lập chính sách kiểm soát chi tiêu, tiết kiệm hoạt động, nâng cao hiệu suất làm việc của toàn bộ bộ máy và nhân lực.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, hạ tầng quy trình làm việc phù hợp với yêu cầu mới.

- Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh định hướng phát triển công ty thích ứng với môi trường kinh doanh đang thay đổi.
- Thực hiện tăng vốn điều lệ công ty lên 80.000.000.000 đồng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (tỷ lệ % trên vốn điều lệ)	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do công ty phát hành	Chức danh nắm giữ tại công ty khác
1	Hoàng Việt Duy	Chủ tịch HĐQT	4.50%	Không	Không
2	Trần Xuân Vũ	Thành viên HĐQT	4.20%	Không	Không
3	Diệp Dậu Hùng	Thành viên HĐQT	4.97%	Không	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với cá quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.

STT	Các cuộc họp HĐQT	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
1	03/01/2013	Thỏa thuận giữa Công ty và Ban điều hành	
2	08/01/2013	Điều chỉnh Quy chế lương	
3	25/01/2013	Thay đổi địa điểm trụ sở công ty	
4	20/02/2013	Chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ	
5	31/05/2013	Bổ sung thông tin địa chỉ công ty trên GPTL	
6	03/06/2013	Chính sách đối với Quyền KTT	
7	06/06/2013	Chốt quyền và danh sách họp cho kỳ tăng vốn	
8	07/06/2013	Chốt DS cổ đông lấy kiến bằng văn bản tổ chức ĐHĐCĐ bất thường cho việc tăng vốn	
9	28/06/2013	Điều chỉnh Quy chế lương	
10	28/06/2013	Chốt DS quyền mua CP do công ty phát hành thêm	
11	01/08/2013	Thảo luận kế hoạch đầu tư mua BĐS làm trụ sở kinh doanh	
12	02/08/2013	Cắt giảm chi phí hoạt động	
13	02/08/2013	Chốt thời gian tiến hành ĐHĐCĐ bất thường lấy ý kiến bằng văn bản	
14	05/08/2013	Chốt DS cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường lấy ý kiến bằng văn bản	

15	27/08/2013	Quyết định cách giải quyết số lượng CP chào bán còn lại	
16	16/10/2013	Chủ tịch HĐQT từ nhiệm	
17	18/10/2013	Thông qua đơn từ nhiệm của CT HĐQT và tiến hành ĐHĐCĐ lấy ý kiến bằng văn bản bầu bổ sung TV HĐQT	
18	21/10/2013	Chốt DS cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường lấy ý kiến bằng văn bản	
19	22/11/2013	Bầu CT HĐQT	
20	06/12/2013	Về việc thực hiện kế hoạch đầu tư mua BĐS làm trụ sở kinh doanh	
21	31/12/2013	Về việc lương tháng 13	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
1	Diệp Dậu Hùng	Thành viên HĐQT	Chứng chỉ số 11 QTCT 181/QĐ-TTNC, Cấp ngày 17/12/2012

2. Ban Kiểm soát:

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:*

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
-----	----------------	-----------	-------------------------------	--------------------------

			biểu quyết (tỷ lệ % trên vốn điều lệ)	khác do công ty phát hành
1	Huỳnh Như Hạnh Nguyên	Trưởng BKS	4.60%	Không
2	Trần Sơn Hà	Thành viên BKS	0	Không
3	Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên BKS	4.50%	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, với nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Hồng Bàng tham gia giám sát và đề xuất các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty cụ thể như:

- ✓ Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 và kế hoạch kinh doanh năm 2013.
- ✓ Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013
- ✓ Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông.
- ✓ Giám sát việc tuân thủ các quy chế, qui định của Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành hai đợt kiểm tra, kiểm soát định kỳ tình hình chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của công ty. Qua các đợt kiểm tra, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Từ khi hoạt động đến nay Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận bất kỳ khoản thù lao nào.

Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc được chi trả dựa trên Hợp đồng lao động và Quy chế lương của Công ty.

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

STT	Người chuyển nhượng	Chức danh	Ngày chuyển nhượng	Loại GD	Số CP chuyển nhượng	Số lượng CP nắm giữ sau GD
1	Quách Lệ Dung	Chủ tịch HĐQT	28/06/2013	Bán CK	170.000	0
2	Trần Xuân Vũ	Thành viên HĐQT	06/06/2013	Mua CK	147.000	210.000
3	Quách Văn Long	Q.Phó Tổng GD	06/06/2013	Mua CK	157.500	225.000
4	Mai Quốc Cường	Q.Kế Toán trưởng	27/06/2013	Mua CK	171.500	245.000
5	Trần Sơn Hà	Thành viên BKS	28/06/2013	Bán CK	140.000	0

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công tác giám sát quản trị, kiểm soát rủi ro được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ thông qua các cuộc họp thường kỳ và phát sinh trong mọi trường hợp yêu cầu.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

a) *Kiểm toán độc lập:*

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công TNHH Kiểm toán Việt Nhất
- Ý kiến của kiểm toán viên :

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Hồng Bàng tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý các vấn đề sau :

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và

thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà Công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Đại Hội cổ đông bất thường đã thông qua nghị quyết số 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn điều lệ. Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh ngày 05/09/2013 vốn điều lệ chỉ tăng từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Công ty đã khắc phục được tình trạng kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên cho đến thời điểm này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn chưa có xác nhận chính thức thông qua văn bản cho Công ty về việc khắc phục tình trạng bị kiểm soát đặc biệt.

b) Kiểm toán nội bộ:

- Ý kiến kiểm toán nội bộ:

Đến hết năm 2013, kiểm toán nội bộ không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của HBSC. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ.

Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán (đính kèm)

TM. Cty CP Chứng khoán Hồng Bàng

Người đại diện theo pháp luật



Đỗ Thị Anh Đào

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	03-04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Quách Lệ Dung	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ 22/11/2013)
Ông Hoàng Việt Duy	Chủ tịch (Bỏ nhiệm từ 22/11/2013)
Ông Diệp Dậu Hùng	Ủy viên
Trần Xuân Vũ	Ủy viên (Bỏ nhiệm từ 22/11/2013)

Ban Giám đốc

Bà Lê Thị Anh Đào	Tổng Giám đốc
Ông Quách Văn Long	Quyền Phó Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 23).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ý KIẾN BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Số: 106e/HDKT2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hồng Bàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng, được lập ngày 20/02/2014, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Hồng Bàng tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý các vấn đề sau :

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà Công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Đại Hội cổ đông bất thường đã thông qua nghị quyết số 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn điều lệ. Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh ngày 05/09/2013 vốn điều lệ tăng từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Công ty đã khắc phục được tình trạng kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên cho đến thời điểm này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn chưa có xác nhận chính thức thông qua văn bản cho Công ty về việc khắc phục tình trạng bị kiểm soát đặc biệt

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Giám Đốc



Nguyễn Nhân Bào

Nguyễn Nhân Bào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0413-2013-088-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Lam Giang

Nguyễn Lam Giang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1750-2013-088-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		24.301.723.234	12.099.631.839
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	15.079.343.868	10.174.774.582
1. Tiền	111		2.779.343.868	4.174.774.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.300.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	5.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.3	3.323.474.476	850.514.088
1. Phải thu khách hàng	131		2.830.000.000	810.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		474.000.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		16.000.336	10.742.020
5. Các khoản phải thu khác	138		3.474.140	29.772.068
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	898.904.890	1.074.343.169
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		827.956.773	224.139
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		17.918.117	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		53.030.000	1.074.119.030

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		5.523.406.002	7.338.079.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
II. Tài sản cố định	220		5.037.120.758	6.953.174.537
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	2.132.215.413	3.405.677.285
- Nguyên giá	222		3.377.412.647	4.856.501.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.245.197.234)	(1.450.823.803)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	2.904.905.345	3.547.497.252
- Nguyên giá	228		4.952.957.400	4.952.957.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.048.052.055)	(1.405.460.148)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			-
III. Bất động sản đầu tư	240			-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			-
V. Tài sản dài hạn khác	260		486.285.244	384.905.363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	6.065.969	22.323.379
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	4.8	199.939.275	180.301.984
4. Tài sản dài hạn khác	268	4.9	280.280.000	182.280.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		29.825.129.236	19.437.711.739

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.384.579.599	3.230.117.060
I. Nợ ngắn hạn	310	4.10	2.400.579.935	3.230.117.060
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		5.955.673	20.288.595
5. Phải trả người lao động	315		17.051.218	17.051.225
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		306.100.000	276.814.000
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		4.238.650	18.200
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		2.067.234.394	2.915.945.040
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		27.424.549.301	16.207.594.679
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11	27.424.549.301	16.207.594.679
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	35.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(22.575.450.699)	(18.792.405.321)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		29.825.129.236	19.437.711.739

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		-	-
6. Chứng khoán lưu ký		101.173.555.000	73.093.720.000
6.1 Chứng khoán giao dịch		100.398.480.000	72.007.320.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		510.000.000	510.000.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		510.000.000	510.000.000
6.3 Chứng khoán cầm cố		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		235.000.000	576.400.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		30.075.000	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		-	-



Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Người lập biểu



Mai Quốc Cường
Kế toán trưởng



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2014


Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**MẪU SỐ B 02-CTCK**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	5.1	2.644.578.794	3.018.379.052
Trong đó				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		179.669.578	941.919.212
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		10.000.000	810.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		2.454.909.216	1.266.459.840
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		2.644.578.794	3.018.379.052
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	5.2	2.732.867.034	2.812.440.337
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(88.288.240)	205.938.715
6. Chi phí quản lý	25	5.3	3.213.061.316	4.537.564.603
7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		(3.301.349.556)	(4.331.625.888)
8. Thu nhập khác	31	5.4	136.790.997	-
9. Chi phí khác	32	5.5	618.486.819	1.138.317
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(481.695.822)	(1.138.317)
11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3.783.045.378)	(4.332.764.205)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(3.783.045.378)	(4.332.764.205)


Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Người lập biểu


Mai Quốc Cường
Kế toán trưởng


Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**MẪU SỐ B 03-CTCK**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		(3.783.045.378)	(4.332.764.205)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.194.179.995	1.142.189.574
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(133.213.307)	(1.255.298.992)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.722.078.690)	(4.445.873.623)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(2.516.135.775)	(1.293.065.849)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(849.174.416)	1.549.886.831
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(261,818,259)	822.008.455
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.046.346.300	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(98.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.400.860.840)	(3.357.044.186)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(446.270.000)	(98.010.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		116.790.910	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		634.909.216	1.255.298.992
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.694.569.874)	1.157.288.992

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		15.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	(1.300.000.000)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	1.300.000.000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.904.569.286	(2.199.755.194)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.174.774.582	12.374.529.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		15.079.343.868	10.174.774.582


Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Người lập biểu


Mai Quốc Cường
Kế toán trưởng




Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Chỉ tiêu	Số dư đầu		Số tăng/giảm				Số dư cuối	
	Năm trước 01/01/2012	Năm nay 01/01/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012		Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013		Năm trước 31/12/2012	Năm nay 31/12/2013
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	15.000.000.000	-	35.000.000.000	50.000.000.000
<i>Trong đó</i>								
- Số lượng cổ phiếu phát hành	3.500.000	3.500.000	-	-	1.500.000	-	3.500.000	5.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu phát hành	10.000	10.000	-	-	10.000	-	10.000	10.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	(14.459.641.116)	(18.792.405.321)	-	(4.332.764.205)	-	(3.783.045.378)	(18.792.405.321)	(22.575.450.699)
Cộng	20.540.358.884	16.207.594.679	-	(4.332.764.205)	15.000.000.000	(3.783.045.378)	16.207.594.679	27.424.549.301

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng được thành lập theo Giấy phép số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK ngày 23/09/2011. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau :

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25/03/2009 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09/10/2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.
- Quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Quyết định số 40/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2013 về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lầu 1, Tòa nhà số 50-52, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 VND.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ tài chính này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013
	Số năm
Vật kiến trúc	08 – 10
Máy móc và thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	08

Thay đổi so với năm trước

Tài sản cố định được phân loại tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Theo đó những tài sản nào không đủ điều kiện về giá trị sẽ được phân loại vào chi phí trả trước với thời gian phân bổ không quá 03 năm

3.5 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm quản lý**

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.6 Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

3.8 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên 7%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

3.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.10 Ghi nhận doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.11 Chi phí thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.762.174.408	3.483.594.213
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.017.169.460	691.180.369
Các khoản tương đương tiền	12.300.000.000	6.000.000.000
Cộng	15.079.343.868	10.174.774.582

(i) Trong đó :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	2.412.765.919	3.096.099.882
Tiền gửi của Công ty	366.577.949	1.078.674.700

(ii) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng ở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn.

4.2 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng tại ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn.

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.830.000.000	810.000.000
Trả trước cho người bán	474.000.000	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	16.000.336	10.742.020
Các khoản phải thu khác	3.474.140	29.772.068
Cộng	3.323.474.476	850.514.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(a) Chủ yếu là phải thu các hợp đồng tư vấn đầu tư của các đối tượng sau :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Mai Đức Hội	500.000.000 (i)	500.000.000
Trần Hồng Hải	300.000.000 (ii)	300.000.000
Bùi Minh Đông	200.000.000 (iii)	-
Trần Đình Hậu	1.050.000.000 (iv)	-
Trần Thị Minh Nguyệt	780.000.000 (v)	-

(i) Theo hợp đồng số 03-2012/HĐ-HBSC ngày 10/10/2012, giữa Công Ty CP chứng khoán Hồng Bàng với ông Mai Đức Hội và Phụ lục hợp đồng số 1 ngày 11/10/2012 về việc gia hạn thanh toán trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Biên bản gia hạn thời gian thanh toán đến hết ngày 25/03/2014.

(ii) Theo hợp đồng số 06-2012/HĐ-HBSC ngày 14/12/2012, giữa Công Ty CP chứng khoán Hồng Bàng với ông Trần Hồng Hải và Phụ lục hợp đồng số 1 ngày 31/12/2012 về việc gia hạn thanh toán trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Biên bản gia hạn thời gian thanh toán đến hết ngày 20/03/2014.

(iii) Theo hợp đồng số 1A-2013/HĐ-HBSC ngày 28/02/2013, giữa Công Ty CP chứng khoán Hồng Bàng với ông Trần Hồng Hải và Phụ lục hợp đồng số ngày 31/12/2012 về việc gia hạn thanh toán trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Biên bản gia hạn thời gian thanh toán đến hết ngày 25/03/2014.

(iv) Theo hợp đồng số 03-2013/HĐ-HBSC ngày 02/11/2013 và hợp đồng số 04-2013 ngày 10/11/2013, giữa Công Ty CP chứng khoán Hồng Bàng với ông Trần Đình Hậu. Thời hạn thanh toán đến hết ngày 15/03/2013.

(v) Theo hợp đồng số 2.1-2013/HĐ-HBSC ngày 10/11/2013 giữa Công Ty CP chứng khoán Hồng Bàng với bà Trần Thị Minh Nguyệt. Thời hạn thanh toán đến hết ngày 15/03/2013

(b) Chủ yếu là khoản ứng trước số tiền 441.000.000 VND cho Công ty TNHH MTV Giải Pháp Công Nghệ Phúc Khang theo Hợp đồng số 2112/HDKT-2011 về việc nâng cấp phần mềm giao dịch chứng khoán.

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	827.956.773 (*)	224.139
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	17.918.117	-
Tạm ứng của nhân viên Công ty	53.030.000	1.074.119.030
Cộng	898.904.890	1.074.343.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(*) Bao gồm

	Số cuối năm
	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	166.568.670
Tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận	538.387.848
Chi phí thuê máy chủ	17.500.000
Chi phí thuê mặt bằng	30.000.000
Chi phí khác	75.500.255

4.5 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình	Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.166.950.667	2.742.932.506	946.617.915	4.856.501.088
Tăng trong kỳ	-	494.190.150	-	494.190.150
<i>Phân loại</i>	-	47.920.150	-	47.920.150
<i>Mua sắm</i>	-	446.270.000	-	446.270.000
Giảm trong kỳ	1.166.950.667	92.447.480	713.880.444	1.973.278.591
<i>Phân loại</i>	546.288.173	92.447.480	331.046.531	969.782.184
<i>Thanh lý</i>	620.662.494	-	382.833.913	1.003.496.407
Số dư cuối kỳ	-	3.144.675.176	232.737.471	3.377.412.647
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	347.257.943	876.072.521	227.493.340	1.450.823.803
Tăng trong kỳ	108.487.230	382.643.482	185.353.451	676.484.163
<i>Khấu hao</i>	108.487.230	382.643.482	83.941.263	575.071.975
<i>Phân loại</i>	-	-	101.412.188	101.412.188
Giảm trong kỳ	455.745.173	127.640.190	298.725.369	882.110.732
<i>Phân loại</i>	247.762.340	101.412.188	158.156.952	507.331.480
<i>Thanh lý</i>	207.982.833	26.228.002	140.568.417	374.779.252
Số dư cuối kỳ	-	1.131.075.813	114.121.422	1.245.197.234
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	819.692.724	1.866.859.986	719.124.576	3.405.677.285
Số dư cuối kỳ	-	2.013.599.364	118.616.050	2.132.215.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.6 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình	Phần mềm quản lý	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.395.610.210	9.849.938	1.405.460.148
Tăng trong kỳ	638.214.154	4.377.753	642.591.907
Khấu hao trong kỳ	638.214.154	4.377.753	642.591.907
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.033.824.364	14.227.691	2.048.052.055
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.522.325.190	25.172.062	3.547.497.252
Số dư cuối kỳ	2.884.111.036	20.794.309	2.904.905.345

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí khác chờ phân bổ	6.065.969	22.323.379
Cộng	6.065.969	22.323.379

4.8 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	60.831.667	44.137.954
Tiền lãi phân bổ hàng năm	19.107.608	16.164.030
Cộng	199.939.275	180.301.984

4.9 Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng tại số 144 Châu Văn Liêm	179.280.000	179.280.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Đặt cọc thuê văn phòng ở 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	90.000.000	-
Đặt cọc thuê máy phát điện	8.000.000	-
Ký quỹ Taxi Vinasun	3.000.000	3.000.000
Cộng	280.280.000	182.280.000

4.10 Nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.955.673	20.288.595
Phải trả người lao động	17.051.218	17.051.225
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	306.100.000	276.814.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.238.650	18.200
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.067.234.394 (*)	2.915.945.040
Cộng	2.400.579.935	3.230.117.060

(*) Chủ yếu :

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2.031.024.371	2.884.714.515
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	15.458.298	9.908.800
Phải trả khác	20.751.725	21.321.725

4.11 Vốn chủ sở hữu**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	(14.459.641.116)	20.540.358.884
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(4.332.764.205)	(4.332.764.205)
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	(18.792.405.321)	16.207.594.679
Tăng vốn	15.000.000.000		15.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	(4.024.293.796)	(4.024.293.796)
Số dư cuối kỳ	50.000.000.000	(22.816.699.117)	27.183.300.883

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập số 105/UBCK-GP, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 10/12/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ, danh sách cổ đông như sau :

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Vốn thực tế đã góp			
	31/12/2013		31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Quách Lệ Dung	-	-	1.700.000.000	4.86
Hoàng Việt Duy	2.250.000.000	4.50	1.575.000.000	4.50
Lê Thị Anh Đào	2.450.000.000	4.90	1.715.000.000	4.90
Diệp Dậu Hùng	2.485.710.000	4.97	1.740.000.000	4.97
Các cổ đông khác	42.814.290.000	85.63	28.270.000.000	80.77
Cộng	50.000.000.000	100.00	35.000.000.000	100.00

Cổ phiếu

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	3.500.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	179.669.578	941.919.212
Doanh thu tư vấn	1.830.000.000	810.000.000
Doanh thu về vốn kinh doanh	634.909.216	1.266.459.840
Cộng	2.644.578.794	3.018.379.052

5.2 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	750.047.817	533.339.117
Chi phí nhân viên	808.728.171	1.281.801.420
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	27.001.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.171.454.980	928.150.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.636.066	42.148.055
Cộng	2.732.867.034	2.812.440.337
5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.343.270.796	2.421.049.084
Chi phí vật liệu quản lý	-	2.471.350
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.506.589	17.322.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.944.690	214.039.169
Thuế, phí và lệ phí	53.614.912	22.063.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.549.492.293	1.839.895.681
Chi phí bằng tiền khác	57.119.707	20.723.556
Cộng	3.213.061.316	4.537.564.603

5.4 Thu nhập khác

Toàn bộ thu nhập khác trong kỳ là thu nhập từ thanh lý tài sản cố định.

5.5 Chi phí khác

Toàn bộ chi phí khác trong kỳ là giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý.

5.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(3.783.045.378)	(4.332.764.205)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế		-
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp		-
Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp		-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty

<u>Tên bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Diệp Dậu Hùng	Ủy viên HĐQT – Cổ đông
Bà Lê Thị Anh Đào	Tổng giám đốc – Cổ đông
Ông Quách Văn Long	Quyền Phó Tổng giám đốc – Cổ đông
Ông Hoàng Việt Duy	Chủ tịch HĐQT – Cổ đông

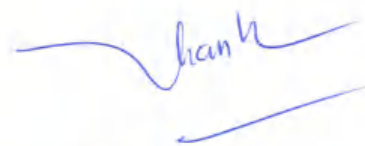
Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau :

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ông Quách Văn Long – Tạm ứng	-	978.365.000
Ông Quách Văn Long – Tiền gửi giao dịch CK	48.153.901	114.701.675
Ông Hoàng Việt Duy – Tiền gửi giao dịch CK	222.449.354	50.626.522

6.2 Giả định về hoạt động liên tục

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Nghị quyết số 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội cổ đông bất thường ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn điều lệ đã được thông qua. Tại ngày 05/09/2013, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ theo nghị quyết 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh.



Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Người lập biểu



Mai Quốc Cường
Kế toán trưởng



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2014